

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển
hợp tác xã tỉnh Phú Thọ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 253/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 52/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

Theo đề nghị của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Phú Thọ tại Công văn số 247/LMHTX-NV ngày 11/06/2026 v/v báo cáo hoàn thiện hồ sơ Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh Phú Thọ; đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 5133/TTr-SNV ngày 12/06/2026 về việc ban hành Quyết định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Phú Thọ;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Phú Thọ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Phú Thọ (gồm 8 Chương, 54 Điều).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

2. Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Vĩnh Phúc;

b) Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 12/9/2022 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hòa Bình;

c) Quyết định số 4694/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Phú Thọ.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực IV; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Phú Thọ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Phú Thọ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 32/2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Phú Thọ theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Phú Thọ;
- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thành viên của tổ hợp tác và hợp tác xã được Quỹ hợp tác xã cho vay có liên quan trong quá trình thực hiện Điều lệ này;
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện Điều lệ này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “*Khách hàng*” là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và thành viên Tổ hợp tác, hợp tác xã theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.
- “*Cho vay*” là việc Quỹ giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.
- “*Ủy thác cho vay*” là việc Quỹ giao vốn cho bên nhận ủy thác để thực hiện cho vay đối với khách hàng thuộc đối tượng vay vốn theo quy định của Quỹ.
- “*Nhận ủy thác cho vay*” là việc Quỹ nhận vốn của bên ủy thác để thực hiện cho vay đối với khách hàng thuộc đối tượng vay vốn theo quy định của Quỹ theo thỏa thuận trong hợp đồng ủy thác.
- “*Vốn điều lệ thực có*” là mức vốn điều lệ trên sổ sách kế toán cộng hoặc trừ lợi nhuận lũy kế chưa phân phối (lỗ lũy kế chưa xử lý) được phản ánh trên sổ sách kế toán tại cùng một thời điểm.
- “*Nợ xấu*” là nợ thuộc các nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 theo quy chế về phân loại nợ của Quỹ.

7. “*Cơ cấu thời hạn trả nợ*” là việc Quỹ chấp nhận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ như sau:

a) “*Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ*” là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/ hoặc lãi tiền vay của kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận (bao gồm cả trường hợp không thay đổi về số kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận), thời hạn cho vay không thay đổi.

b) “*Gia hạn nợ*” là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc hoặc lãi tiền vay, vượt quá thời gian cho vay đã thỏa thuận

8. “*Người có liên quan*” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác trong quan hệ vay vốn đối với Quỹ quy định tại Điều lệ này thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Liên hiệp hợp tác xã với các hợp tác xã thành viên và thành viên của hợp tác xã thành viên và ngược lại;

b) Hợp tác xã với các thành viên và ngược lại;

c) Các thành viên trong cùng một Tổ hợp tác.

9. “*Người quản lý Quỹ*” là Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

Điều 4. Tên, nơi đặt trụ sở chính

1. Tên gọi của Quỹ

a) Tên gọi Tiếng Việt: Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Phú Thọ.

b) Tên giao dịch quốc tế, bằng Tiếng Anh: Phu Tho Cooperative Assistance Fund (Viết tắt là PTCAF).

2. Trụ sở

a) Trụ sở chính: Đặt tại Trụ sở Liên minh Hợp tác xã tỉnh Phú Thọ (địa chỉ: đường Mai An Tiêm, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ).

b) Địa chỉ giao dịch tại khu vực Vĩnh Phúc: Đặt tại số 5, đường Lạc Long Quân, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ.

c) Địa chỉ giao dịch tại khu vực Hòa Bình: Số 58, Lạc Long Quân, phường Hoà Bình, tỉnh Phú Thọ.

Điều 5. Địa vị pháp lý, mô hình hoạt động, tư cách pháp nhân và người đại diện theo pháp luật của Quỹ

1. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Phú Thọ (sau đây gọi là Quỹ hợp tác xã) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong huy động vốn và sử dụng vốn nhằm thực hiện chức năng cho vay

cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thành viên của tổ hợp tác và hợp tác xã theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và tại các Ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại tỉnh Phú Thọ. Quỹ được thành lập, tổ chức, hoạt động, phá sản và giải thể theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và quy định pháp luật liên quan.

3. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc Quỹ.

Điều 6. Nguyên tắc và phạm vi hoạt động

1. Quỹ hợp tác xã hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, công khai, minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ hợp tác xã thực hiện cho vay theo đúng đối tượng và có đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, Điều lệ này và Quy chế cho vay của Quỹ.

3. Quỹ hợp tác xã hoạt động trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 7. Vốn điều lệ của Quỹ

1. Vốn điều lệ tại thời điểm hợp nhất 03 Quỹ là: 128.869.197.704 đồng, gồm: Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) 85.421.561.000 đồng; Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Phú Thọ (cũ) 23.447.636.704 đồng; Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hòa Bình (cũ) 20.000.000.000 đồng được bố trí từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương.

2. Việc thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ hợp tác xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trên cơ sở đề nghị của Liên minh hợp tác xã tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất với Sở Tài chính.

Điều 8. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn trong nước và ngoài nước, các nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước theo quy định tại Điều lệ này, Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và quy định pháp luật liên quan.

3. Cho vay khách hàng theo quy định tại Điều lệ này, Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và quy định pháp luật liên quan.

4. Thực hiện các hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư; đào tạo cho các khách hàng vay vốn của Quỹ theo quy định trong Điều lệ này, Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và quy định pháp luật liên quan.

5. Ủy thác, nhận ủy thác cho vay theo quy định tại Điều lệ này, Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và quy định pháp luật liên quan.

6. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ hợp tác xã theo Điều 6 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ QUỸ

Điều 9. Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Quỹ gồm:

1. Chủ tịch Quỹ;
2. Kiểm soát viên;
3. Ban Điều hành Quỹ gồm có:
 - a) Giám đốc Quỹ;
 - b) Phó Giám đốc Quỹ;
 - c) Kế toán trưởng ;
 - d) Bộ máy giúp việc gồm các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và người lao động làm việc tại Quỹ.

Căn cứ yêu cầu hoạt động, quy mô tổ chức, khả năng tài chính và quy định của pháp luật, Giám đốc Quỹ quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Quỹ theo quy định.

Điều 10. Chủ tịch Quỹ

1. Chủ tịch Quỹ là người đại diện chủ sở hữu thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Quỹ; nhiệm kỳ của Chủ tịch Quỹ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ.

2. Chủ tịch Quỹ do một lãnh đạo Liên minh hợp tác xã tỉnh Phú Thọ kiêm nhiệm. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm Chủ tịch Quỹ: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và quy định về tiêu chuẩn cán bộ có liên quan.

4. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Quỹ:

a) Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

b) Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, đối với chức danh kiểm soát viên, Giám đốc Quỹ.

c) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá, bổ nhiệm lại; chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu của Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ và ý kiến chấp thuận của Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

Điều 11. Kiểm soát viên Quỹ

1. Kiểm soát viên của Quỹ có thể kiêm nhiệm hoặc chuyên trách. Kiểm soát viên Quỹ giúp Liên minh Hợp tác xã tỉnh kiểm soát việc tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý, điều hành của Chủ tịch và Giám đốc Quỹ và các nội dung khác có liên quan.

Kiểm soát viên Quỹ do UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm. Việc bổ nhiệm Kiểm soát viên Quỹ phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và khoản 3 Điều này.

Chủ tịch Liên minh hợp tác xã tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ theo quy định về quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, phù hợp với quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

2. Kiểm soát viên có nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tiếp.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Kiểm soát viên: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

4. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

a) Giám sát việc quản lý, điều hành và thực hiện Điều lệ Quỹ của Chủ tịch, Giám đốc Quỹ;

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình hoạt động, báo cáo tài chính hằng năm và 06 (sáu) tháng của Quỹ, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Chủ tịch quỹ, Giám đốc;

d) Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành của Quỹ khi xét thấy cần thiết hoặc theo chỉ đạo của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

đ) Kịp thời thông báo cho Chủ tịch Quỹ, Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh khi phát hiện người quản lý Quỹ có hành vi vi phạm, yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và kiến nghị giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có);

e) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này cho Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

g) Có quyền tiếp cận các hồ sơ tài liệu của Quỹ lưu trữ tại trụ sở chính và các địa điểm khác, có quyền đến các nơi người quản lý và cán bộ nhân viên của Quỹ làm việc;

h) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.

5. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

a) Tuân thủ pháp luật, quyết định của Liên minh Hợp tác xã tỉnh và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ Quỹ;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước và lợi ích hợp pháp của các bên tại Quỹ;

c) Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho Quỹ thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho Quỹ mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

6. Chế độ làm việc của Kiểm soát viên

a) Độc lập và chủ động thực hiện các công việc theo kế hoạch;

b) Có trách nhiệm xây dựng kế hoạch công tác và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ với Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

7. Chi phí hoạt động của Kiểm soát viên được tính vào chi phí quản lý của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ trực tiếp điều hành hoạt động của Quỹ; do Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Quỹ; nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ không quá 05 năm và được bổ nhiệm lại hoặc thay thế. Việc bổ nhiệm Giám đốc Quỹ phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

2. Giám đốc Quỹ có thể kiêm nhiệm hoặc chuyên trách.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm Giám đốc Quỹ: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

a) Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành để thực thi nhiệm vụ;

b) Tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ Quỹ; thực hiện các quyết định của Chủ tịch Quỹ và các quy định của pháp luật. Trong

thời gian vắng mặt, Giám đốc Quỹ ủy quyền lại cho Phó Giám đốc Quỹ hoặc người được ủy quyền thực hiện điều hành các hoạt động hàng ngày của Quỹ. Nội dung ủy quyền nêu rõ phạm vi công việc ủy quyền cụ thể, thời hạn ủy quyền cụ thể, báo cáo kết quả thực hiện công việc trong thời gian ủy quyền;

c) Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động, phương án huy động vốn, cho vay và các hoạt động khác; kế hoạch tài chính và lập báo cáo quyết toán Quỹ trình Chủ tịch Quỹ để Chủ tịch Quỹ trình cấp có thẩm quyền hoặc thông qua theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện;

d) Ban hành hoặc trình Chủ tịch Quỹ ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định về hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

đ) Lựa chọn, trình Chủ tịch Quỹ quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ trên cơ sở phê duyệt chủ trương của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

e) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu các chức danh lãnh đạo của bộ máy giúp việc và cán bộ, nhân viên trên cơ sở chấp thuận về chủ trương của Chủ tịch Quỹ;

g) Dự thảo, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ về tổ chức, quản trị và hoạt động của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định ban hành theo trình tự quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ Quỹ;

h) Ký các hợp đồng nhân danh Quỹ theo ủy quyền của Chủ tịch Quỹ, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền bắt buộc phải là Chủ tịch Quỹ;

i) Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Chủ tịch Quỹ để trình các cấp có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, chân thực của báo cáo tài chính, các báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;

k) Quyết định khen thưởng, kỷ luật người lao động theo quy định của Quỹ và quy định pháp luật;

l) Thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định các dự án, phương án vay vốn. Thuê các tổ chức hành nghề luật, luật sư, chuyên gia tư vấn pháp lý để thực hiện xử lý nợ và các hoạt động khác của Quỹ;

m) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định của Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;

n) Tổ chức thực hiện các kiến nghị của Kiểm soát viên đối với Giám đốc tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và báo cáo Kiểm soát viên kết quả thực hiện các kiến nghị;

o) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Quỹ.

5. Trách nhiệm của Giám đốc Quỹ

a) Tuân thủ pháp luật, thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ;

b) Trung thành với lợi ích của Quỹ, không sử dụng thông tin, bí quyết hoạt động của Quỹ, lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Chấp hành các quyết định của Chủ tịch Quỹ;

d) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Quỹ và Liên minh Hợp tác xã tỉnh và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền.

Điều 13. Phó Giám đốc Quỹ

1. Phó Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Quỹ quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ, sau khi được Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh phê duyệt chủ trương. Phó Giám đốc Quỹ giúp Giám đốc Quỹ điều hành Quỹ theo phân công và ủy quyền của Giám đốc Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền. Phó Giám đốc Quỹ được bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm Phó Giám đốc Quỹ:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại các điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 10 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Kiểm soát viên, Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ;

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Giám đốc Quỹ:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo phân công của Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ;

b) Thực hiện đúng nội dung được ủy quyền trong thời gian Giám đốc vắng mặt;

c) Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Chủ tịch Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

Điều 14. Kế toán trưởng Quỹ

1. Kế toán trưởng Quỹ do Chủ tịch Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Quỹ theo phân công của Giám đốc và phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ. Kế toán trưởng của Quỹ được bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm Kế toán trưởng:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại các điểm a, b, c khoản 3 Điều 10 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP;

b) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

c) Không phải là thủ kho, thủ quỹ, người được giao nhiệm vụ mua, bán tài sản trong Quỹ;

d) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc của Quỹ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kế toán trưởng:

a) Tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của Quỹ theo phân công và ủy quyền của Giám đốc Quỹ, phù hợp với quy định của pháp luật; giúp Giám đốc giám sát tài chính tại Quỹ;

b) Độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán;

c) Chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và kế toán của Quỹ cho Giám đốc để báo cáo các cấp có thẩm quyền;

d) Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Quỹ và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền;

đ) Tuân thủ các quy định theo Luật Kế toán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 15. Bộ máy giúp việc

1. Việc thành lập các bộ máy giúp việc và số lượng làm việc do Giám đốc Quỹ quyết định trên cơ sở cân đối nguồn thu để trả lương và các khoản chi khác. Giám đốc Quỹ ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của bộ máy giúp việc trên cơ sở chấp thuận của Chủ tịch Liên minh hợp tác xã tỉnh Phú Thọ.

2. Giám đốc Quỹ quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu các chức danh lãnh đạo của bộ máy giúp việc và cán bộ, nhân viên trên cơ sở chấp thuận về chủ trương của Chủ tịch Quỹ.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện quy hoạch, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo bộ máy giúp việc do Chủ tịch Quỹ quy định.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc

Tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch và Giám đốc Quỹ trong điều hành, quản lý Quỹ, thực hiện chức năng quản lý nghiệp vụ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Tuyển dụng

a) Quỹ căn cứ chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động 5 (năm) năm và kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ để xây dựng kế hoạch lao động hàng năm làm cơ sở để tuyển dụng, sử dụng lao động theo quy định pháp luật về lao động;

b) Việc tuyển dụng lao động được thực hiện theo quy định tại Quy chế tuyển dụng, đào tạo lao động và quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo và người quản lý của Quỹ.

6. Khen thưởng và kỷ luật

a) Các tổ chức, cá nhân của Quỹ có nhiều thành tích xuất sắc trong việc xây dựng, phát triển Quỹ, hoặc có nhiều đóng góp mang lại hiệu quả trong hoạt động của Quỹ được khen thưởng theo quy chế khen thưởng do Chủ tịch Quỹ ban hành;

b) Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Điều lệ Quỹ và các quy định nội bộ của Quỹ, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật theo quy định nội bộ của Quỹ và pháp luật có liên quan.

Chương III HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 16. Cho vay

1. Đối tượng cho vay

a) Đối tượng cho vay:

- Cá nhân là thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã (trừ đối tượng thành viên hợp tác xã là doanh nghiệp);

- Pháp nhân là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

b) Đối tượng được ưu tiên cho vay từ nguồn vốn Quỹ: Là các đối tượng cho vay trên khi đầu tư:

- Dự án thuộc lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Dự án, phương án kinh doanh hàng xuất khẩu theo quy định của Luật Thương mại và các văn bản hướng dẫn Luật Thương mại.

- Dự án phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ theo quy định của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- Dự án ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao ưu tiên đầu tư phát triển được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao và các văn bản hướng dẫn Luật Công nghệ cao.

- Đối tượng ưu tiên khác theo quy định của pháp luật.

2. Phạm vi cho vay: Quỹ cho vay đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này trên phạm vi tỉnh Phú Thọ.

3. Điều kiện cho vay: Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Mức vốn cho vay và giới hạn cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

5. Thời hạn cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan. Thời hạn cho vay tối đa là 05 (năm) năm đối với 01 dự án.

6. Phương thức cho vay

a) Cho vay từng lần: Mỗi lần cho vay, Quỹ và khách hàng thực hiện thủ tục cho vay và ký kết thỏa thuận cho vay;

b) Cho vay hợp vốn: Quỹ và Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam và/hoặc tổ chức tín dụng khác cùng thực hiện cho vay đối với khách hàng để thực hiện một phương án, dự án vay vốn;

c) Cho vay theo hạn mức: Quỹ xác định và thỏa thuận với khách hàng một mức dư nợ cho vay tối đa được duy trì trong một khoảng thời gian nhất định. Trong hạn mức cho vay, Quỹ thực hiện cho vay từng lần. Một năm ít nhất một lần, Quỹ xem xét xác định lại mức dư nợ cho vay tối đa và thời gian duy trì mức dư nợ này.

d) Các phương thức cho vay khác theo quy định của pháp luật.

7. Lãi suất cho vay và đồng tiền cho vay, thu nợ thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan. Chủ tịch Quỹ quy định lãi suất cho vay, lãi quá hạn trong từng thời kỳ sau khi có ý kiến phê duyệt chủ trương của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh Phú Thọ. Giám đốc Quỹ xem xét quyết định miễn, giảm lãi đối với từng trường hợp cụ thể.

8. Bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

9. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan. Giám đốc Quỹ xem xét quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng vay (Điều chỉnh kỳ hạn nợ, số tiền trả nợ, gia hạn nợ).

10. Quỹ ban hành quy định về nội bộ về cho vay, quản lý tiền vay theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Nhận ủy thác và ủy thác cho vay

1. Nhận ủy thác

a) Quỹ nhận ủy thác cho vay từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

b) Quỹ được hưởng phí ủy thác, mức phí nhận ủy thác do các bên thỏa thuận trong hợp đồng ủy thác;

c) Chủ tịch quỹ ban hành quy định nhận ủy thác cho vay của Quỹ.

2. Ủy thác cho vay

a) Quỹ được ủy thác vốn cho các ngân hàng thực hiện hoạt động cho vay theo Quy chế ủy thác của Quỹ;

b) Tổ chức nhận ủy thác thực hiện cho vay đối với khách hàng theo quy định tại Quy chế này, Quy chế ủy thác của Quỹ và quy định nội bộ về cho vay của bên nhận ủy thác.

Điều 18. Phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro trong cho vay

1. Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro trong cho vay thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 28 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quỹ ban hành quy định nội bộ về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro, xử lý rủi ro trong cho vay của Quỹ.

Điều 19. Hội đồng xử lý rủi ro

1. Chủ tịch Quỹ thành lập Hội đồng xử lý rủi ro do Chủ tịch Quỹ làm Chủ tịch hội đồng và các thành viên gồm Kiểm soát viên, Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tín dụng và các thành viên khác do Chủ tịch Quỹ quyết định.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng xử lý rủi ro thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 20. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro cho vay

1. Các biện pháp xử lý rủi ro đối với dư nợ cho vay trực tiếp của Quỹ

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/số tiền trả nợ;

b) Gia hạn nợ vay;

c) Khoanh nợ;

d) Xử lý tài sản bảo đảm tiền vay;

đ) Xóa nợ lãi;

e) Xóa nợ gốc;

f) Các biện pháp xử lý rủi ro khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền xử lý rủi ro cho vay

a) Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh Phú Thọ xem xét phê duyệt xuất toán khoản nợ gốc đã chuyển theo dõi ngoại bảng sau khi đã báo cáo UBND tỉnh; miễn, giảm lãi trong hạn và quá hạn, khoan nợ, xóa nợ lãi;

b) Hội đồng xử lý rủi ro của Quỹ xem xét quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ của Hội đồng xử lý rủi ro quy định tại Điều lệ Quỹ.

3. Chủ tịch Quỹ xem xét quyết định

a) Xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng trên cơ sở phê duyệt của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh Phú Thọ;

b) Quyết định miễn, giảm lãi trong hạn, quá hạn, khoan nợ đối với từng trường hợp cụ thể theo đề xuất của Hội đồng xử lý rủi ro sau khi được Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh Phú Thọ phê duyệt.

4. Giám đốc Quỹ xem xét quyết định

a) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ (điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc, lãi, số tiền trả nợ từng kỳ, gia hạn nợ) sau khi đã báo cáo Chủ tịch Quỹ và được Chủ tịch Quỹ chấp thuận bằng văn bản;

b) Chuyển nợ quá hạn, áp dụng các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

5. Hội đồng xử lý rủi ro thực hiện theo khoản 2 Điều 29 Nghị định 45/2021/NĐ-CP.

6. Việc xử lý rủi ro trong hoạt động ủy thác cho vay thực hiện theo quy định về ủy thác cho vay do Chủ tịch Quỹ ban hành.

Điều 21. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định

1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

a) Từ nguồn vốn điều lệ;

b) Ngân sách Nhà nước cấp (nếu có);

c) Các nguồn hợp pháp khác.

2. Quỹ được mua sắm, đầu tư vào TSCĐ phục vụ trực tiếp cho hoạt động theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 10% vốn điều lệ thực có tại thời điểm quyết định đầu tư, mua sắm, chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng đối với Công ty TNHH một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

Hàng năm Quỹ xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản cố định trình Chủ tịch Quỹ và thực hiện đầu tư sau khi được Liên minh Hợp tác xã tỉnh phê duyệt.

3. Việc quản lý, sử dụng, thanh lý, nhượng bán, kiểm kê, đánh giá lại tài sản của Quỹ theo đúng các quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 22. Hoạt động khác của Quỹ

1. Quỹ thực hiện các dịch vụ hỗ trợ cho đối tượng khách hàng vay vốn Quỹ, bao gồm:

- a) Dịch vụ tư vấn đầu tư;
- b) Dịch vụ tư vấn tài chính;
- c) Dịch vụ đào tạo.

2. Nguyên tắc tổ chức thực hiện các loại hình dịch vụ

- a) Có kế hoạch/phương án tổ chức các loại hình dịch vụ;
 - b) Chỉ tự thực hiện các dịch vụ nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc thuê dịch vụ bên ngoài nếu không đủ điều kiện;
 - c) Chi phí thực hiện được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.
3. Chủ tịch Quỹ quy định cụ thể về hoạt động dịch vụ khác của Quỹ.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ VÀ BẢO MẬT, CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 23. Chế độ tài chính, kế toán

1. Quỹ thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Năm tài chính của Quỹ từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Chủ tịch Quỹ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài chính, tài sản phù hợp với quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và Thông tư số 52/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính.

Điều 24. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, thực hiện các nghĩa vụ và các cam kết theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ tịch Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, thống kê và việc thực hiện công khai tài chính.

3. Thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 25. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

1. Vốn chủ sở hữu:

a) Vốn điều lệ;

b) Các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính;

c) Vốn hình thành từ các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp không phải hoàn trả của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

d) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản;

đ) Chênh lệch thu chi chi phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý;

e) Vốn khác thuộc sở hữu của Quỹ.

2. Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 26. Bảo đảm an toàn vốn

Quỹ có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn vốn hoạt động như sau:

1. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản, phân phối kết quả tài chính, thực hiện chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo đúng quy định tại Điều lệ Quỹ, hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện các quy định về giới hạn cho vay Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Mua bảo hiểm tài sản đối với tài sản pháp luật quy định phải mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

4. Hoạch toán vào chi phí hoạt động khoản dự phòng rủi ro cho vay theo quy định tại Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan.

5. Các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật.

6. Chủ tịch Quỹ ban hành Quy chế nội bộ về quản lý và sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi, trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung sau: Tiêu chí lựa chọn ngân hàng thương mại để gửi tiền đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn; thẩm quyền quyết định lựa chọn ngân hàng.

Điều 27. Thu nhập của Quỹ

1. Các khoản thu của Quỹ được xác định phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan, có hóa đơn, chứng từ hợp lệ và được hạch toán đầy đủ vào doanh thu.

2. Thu nhập của Quỹ bao gồm

2.1. Thu từ hoạt động nghiệp vụ

- a) Thu lãi cho vay;
- b) Thu phí từ hợp đồng dịch vụ nhận ủy thác cho vay;
- c) Thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn đầu tư, tài chính liên quan đến hoạt động của Quỹ; thu từ hoạt động dịch vụ hỗ trợ, đào tạo cho các khách hàng vay vốn của Quỹ theo quy định của pháp luật;
- d) Các khoản thu khác từ hoạt động nghiệp vụ theo quy định của pháp luật.

2.2. Thu từ hoạt động tài chính:

- a) Thu lãi tiền gửi;
- b) Thu từ chênh lệch tỷ giá (nếu có);
- c) Thu từ hoạt động tài chính khác.

2.3. Các khoản thu khác

- a) Thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản;
- b) Thu từ hoạt động cho thuê tài sản;
- c) Chênh lệch các khoản thu bảo hiểm được bồi thường đền bù tổn thất tài sản sau khi thực hiện bù đắp tổn thất;
- d) Thu nợ đã xóa thu hồi được;
- đ) Thu hoàn nhập dự phòng;
- e) Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Chi phí của Quỹ

1. Quy định chung: Chi phí của Quỹ là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động Quỹ; tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật. Các khoản chi của Quỹ phải được ghi nhận và hạch toán cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nội dung chi phí của Quỹ

2.1. Chi phí hoạt động nghiệp vụ

- a) Chi phí liên quan đến hoạt động cho vay, thu nợ;
- b) Chi trả lãi vốn huy động.
- c) Chi phí liên quan đến hoạt động ủy thác và nhận ủy thác;
- d) Chi trích lập dự phòng rủi ro cho vay theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP;
- đ) Chi mua bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm nghiệp vụ khác theo quy định;

e) Các khoản chi khác từ hoạt động nghiệp vụ.

2.2. Chi phí tài chính

a) Chi chênh lệch tỷ giá (nếu có);

b) Các khoản chi khác từ hoạt động tài chính.

2.3. Chi phí quản lý

a) Chi về tài sản gồm: Chi khấu hao tài sản cố định; chi thuê tài sản cố định; chi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và vận hành tài sản; chi mua sắm công cụ, dụng cụ; chi bảo hiểm tài sản, chi kiểm định phương tiện theo quy định; chi nhượng bán, thanh lý tài sản không bao gồm giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có);

b) Chi cho người quản lý, người lao động: Chi tiền lương, tiền công; các khoản đóng góp theo lương gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn bệnh nghề nghiệp, kinh phí công đoàn; chi ăn ca; chi trang phục giao dịch; chi cho lao động nữ, chi làm thêm giờ, khám sức khỏe định kỳ và các khoản chi khác cho người lao động áp dụng theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

c) Chi cho hoạt động quản lý và công vụ: Chi điện, nước, điện thoại, internet, bưu phí, vật liệu, giấy in, văn phòng phẩm; chi công tác phí, chi tư vấn liên quan đến hoạt động của Quỹ, chi dịch vụ thanh toán, kiểm toán; chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước; chi cộng tác viên, chi nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đổi mới công nghệ; chi đào tạo, tập huấn nghiệp vụ; chi thưởng sáng kiến cải tiến, tăng năng suất lao động, chi cho công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ cơ quan; chi y tế, chi xăng dầu, chi phòng cháy chữa cháy, chi thuê phương tiện đi kiểm tra dự án và đi công tác ngoại tỉnh, chi tuyên truyền, chi phí đi học tập kinh nghiệm, chi quảng cáo, tiếp thị; chi hội nghị, lễ tân, khánh tiết theo quy định của pháp luật;

d) Chi tiền thù lao, tiền phụ cấp cho các chức danh kiêm nhiệm (nếu có); Mức chi cụ thể do Chủ tịch Quỹ quyết định cho phù hợp với tình hình thực tế từng thời điểm.

đ) Các chi phí quản lý khác theo quy định của pháp luật.

2.4. Chi tham gia các hoạt động do Liên minh hợp tác xã các cấp tổ chức liên quan đến hoạt động của Quỹ.

2.5. Chi trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng tổn thất tài sản, đầu tư tài chính và các khoản dự phòng khác áp dụng theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2.6. Chi phí khác

a) Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản (nếu có) bao gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định được thanh lý nhượng bán;

b) Chi phí xử lý tổn thất tài sản sau khi đã bù đắp bằng các nguồn vốn khác theo quy định;

c) Chi các khoản đã hạch toán doanh thu nhưng thực tế không thu được;

d) Chi tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;

đ) Chi án phí, lệ phí thi hành án và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật;

e) Chi cho công tác xã hội theo quy định của pháp luật về thuế;

f) Chi đóng phí hiệp hội ngành nghề trong và ngoài nước mà Quỹ tham gia theo quy định của pháp luật (nếu có);

g) Chi cho hoạt động đảng, đoàn thể;

h) Các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật.

3. Các khoản chi không được hạch toán vào chi phí của Quỹ

a) Các khoản thiệt hại đã được Nhà nước hỗ trợ hoặc cơ quan bảo hiểm, bên gây thiệt hại bồi thường.

b) Các khoản chi phạt của cá nhân do vi phạm hành chính, vi phạm môi trường, phạt nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan, phạt vi phạm chế độ tài chính.

c) Các khoản chi không có hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật.

d) Các khoản chi thuộc nguồn kinh phí khác đài thọ.

đ) Các khoản chi của cá nhân ủng hộ địa phương, các tổ chức xã hội, các cơ quan khác.

e) Các khoản chi vượt định mức theo quy định của Bộ Tài chính đối với Quỹ.

4. Cụ thể các khoản chi phí Quỹ quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 29. Chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác

1. Người quản lý, Kiểm soát viên và cán bộ trong bộ máy giúp việc làm việc theo chế độ kiêm nhiệm tại Quỹ được hưởng chế độ thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả hoạt động của Quỹ.

2. Người quản lý, Kiểm soát viên làm việc theo chế độ chuyên trách và cán bộ, nhân viên được hưởng chế độ tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả hoạt động của Quỹ.

3. Chủ tịch Quỹ ban hành quy chế về tiền lương, tiền thù lao đối với người làm việc tại Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 30. Kết quả tài chính và phân phối kết quả tài chính

1. Kết quả tài chính là số chênh lệch giữa tổng số thu nhập và tổng số chi phí phát sinh trong năm tài chính:

a) Kết quả tài chính của Quỹ trong năm thặng dư khi chênh lệch giữa thu nhập và chi phí phát sinh trong năm tài chính của Quỹ có kết quả dương;

b) Kết quả tài chính của Quỹ trong năm bị thâm hụt khi chênh lệch giữa thu nhập và chi phí phát sinh trong năm tài chính của Quỹ có kết quả âm.

2. Khi kết quả tài chính trong năm của Quỹ đạt thặng dư, sau khi trả tiền phạt do vi phạm các quy định của pháp luật và bù đắp khoản thâm hụt từ những năm trước (nếu có), được phân phối như sau:

a) Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển.

b) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính.

c) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động của Quỹ

- Quỹ hợp tác xã xếp loại A được trích 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng và Phúc lợi;

- Quỹ hợp tác xã xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng và Phúc lợi;

- Quỹ hợp tác xã xếp loại C được trích 1 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng và Phúc lợi;

d) Trích quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên

- Quỹ hợp tác xã xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý và kiểm soát viên;

- Quỹ hợp tác xã xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý và kiểm soát viên;

- Quỹ hợp tác xã xếp loại C thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên;

đ) Trường hợp chênh lệch thu chi còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại điểm a và b khoản này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên theo mức quy định thì Quỹ được giảm mức trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên theo mức quy định nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính;

e) Số còn lại (nếu có) sau khi trích lập các quỹ trên được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển của Quỹ.

Điều 31. Chế độ báo cáo

Trách nhiệm lập và gửi báo cáo:

1. Kiểm soát viên: Thực hiện báo cáo theo Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ

a) Lập các báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm trình Chủ tịch Quỹ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực IV để theo dõi, giám sát;

b) Gửi Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm để tổng hợp báo cáo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;

3. Các loại báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm của Quỹ tại khoản 2 Điều này gồm:

a) Báo cáo tài chính, gồm: Bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động; báo cáo lưu chuyển tiền tệ; báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu; bản thuyết minh báo cáo tài chính; báo cáo tình hình thu chi tài chính; báo cáo tình hình phân phối chênh lệch thu, chi và sử dụng các quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

b) Báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

c) Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm;

d) Các Báo cáo định kỳ và đột xuất khác theo yêu cầu của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam.

4. Thời hạn gửi báo cáo

a) Báo cáo 06 tháng gửi chậm nhất trước ngày 31 tháng 7 hàng năm;

b) Báo cáo năm gửi chậm nhất sau 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; riêng báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Quỹ do tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện gửi chậm nhất sau 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

5. Phương thức gửi báo cáo: Theo phương thức gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

6. Trường hợp đột xuất, Quỹ có trách nhiệm, nghĩa vụ cung cấp thông tin, báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

7. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

8. Giám đốc Quỹ ban hành quy định về báo cáo định kỳ hàng năm và đột xuất của Quỹ gửi các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 32. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ

1. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm của Quỹ, bao gồm:

a) Chỉ tiêu 1: Tăng trưởng dư nợ tín dụng;

b) Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nợ xấu (bao gồm dư nợ các nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 theo kết quả phân loại nợ của Quỹ);

c) Chỉ tiêu 3: Kết quả tài chính hàng năm;

d) Chỉ tiêu 4: Tình hình chấp hành pháp luật về cho vay, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ, nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, chế độ báo cáo tài chính;

2. Khi tính toán các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ tại khoản 1 Điều này, Quỹ được loại trừ các yếu tố khách quan về:

a) Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân bất khả kháng khác;

b) Thay đổi về chính sách của Nhà nước ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ.

3. Phương thức xác định các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh thực hiện giao chỉ tiêu và đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm của Quỹ.

Điều 33. Thanh tra, kiểm tra và kiểm toán

1. Quỹ chịu sự thanh tra, kiểm tra và kiểm toán của Cơ quan Thanh tra, Kiểm tra và Kiểm toán Nhà nước theo quy định hiện hành.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ phải được một tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán hoặc kiểm toán Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Chủ tịch Quỹ ban hành Quy định về phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hàng năm của Quỹ.

Điều 34. Chế độ lưu giữ tài liệu của Quỹ

1. Quỹ lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính của Quỹ

a) Điều lệ Quỹ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ; các Quy chế quản lý nội bộ của Quỹ;

b) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Quỹ;

c) Các biên bản họp; các quyết định của Quỹ;

d) Báo cáo của Kiểm soát viên; Kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;

đ) Hồ sơ tín dụng;

e) Tài sản bảo đảm;

g) Tài liệu, hồ sơ, chứng từ, sổ sách kế toán của Quỹ;

h) Các tài liệu khác theo quy định nội bộ của Quỹ, Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan.

2. Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Quỹ.

3. Thời hạn lưu giữ các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Bảo mật và công khai thông tin

1. Những người làm việc tại Quỹ và những người liên quan không được tự ý tiết lộ những thông tin, bí mật về hoạt động của Quỹ mà mình biết.
2. Giám đốc Quỹ quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin ra bên ngoài Quỹ. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Quỹ chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Giám đốc hoặc người được Giám đốc ủy quyền.
3. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.
4. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Giám đốc Quỹ là người chịu trách nhiệm trong tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương V

QUAN HỆ GIỮA QUỸ VÀ QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Điều 36. Nguyên tắc phối hợp hoạt động

Quỹ phối hợp với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam theo các nguyên tắc sau:

1. Bình đẳng, cùng có lợi vì mục tiêu chung phục vụ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.
2. Đảm bảo hiệu quả, an toàn vốn trong quá trình phối hợp hoạt động.
3. Thực hiện trên cơ sở phối hợp hoạt động có sự thỏa thuận thống nhất giữa các bên.

Điều 37. Nội dung phối hợp hoạt động

1. Nhận ủy thác vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam thực hiện hoạt động cho vay.
2. Cho vay hợp vốn đối với các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả, khả thi theo nhu cầu của các bên.
3. Vốn nhàn rỗi của Quỹ có thể gửi tại Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam và ngược lại.
4. Thực hiện các giải pháp đầu tư chung hệ thống công nghệ thông tin để kết nối trực tuyến giữa Quỹ và Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam và Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã các tỉnh/thành phố khác.
5. Phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ, nhân viên, thành viên của Quỹ.

6. Phối hợp tổ chức các hoạt động dịch vụ gắn với hoạt động cho vay trên địa bàn tỉnh.

7. Phối hợp tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn, giới thiệu cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thành viên tổ hợp tác và hợp tác xã về hoạt động của Quỹ và Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam.

8. Lập và gửi báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm theo Điều 32 Điều lệ Quỹ về Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam để tổng hợp báo cáo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực IV.

9. Các hình thức phối hợp hoạt động khác theo quy định của pháp luật..

Chương VI

QUAN HỆ GIỮA QUỸ VỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ TẠI ĐỊA PHƯƠNG VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 38. Quan hệ với Hội đồng nhân dân tỉnh

Quỹ chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc tổ chức thực hiện và quản lý Quỹ theo Quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Điều 39. Quan hệ với Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quỹ chịu sự quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với hoạt động của Quỹ.

2. Định kỳ hàng năm và đột xuất, Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về kết quả và tình hình hoạt động Quỹ theo quy định.

3. Trong quá trình hoạt động, Quỹ kịp thời báo cáo những khó khăn vướng mắc và nguyên nhân phát sinh với Ủy ban nhân dân tỉnh; đề xuất việc bổ sung, sửa đổi cơ chế chính sách cho hoạt động của Quỹ.

4. Hàng năm, Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả hoạt động của Quỹ, đề xuất những giải pháp khó khăn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Định kỳ 6 tháng và hàng năm Quỹ lập và gửi báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

6. Quỹ xây dựng, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, báo cáo Liên minh Hợp tác xã tỉnh để Liên minh Hợp tác xã trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định ban hành.

Điều 40. Quan hệ với Liên minh Hợp tác xã tỉnh

1. Quỹ chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của Liên minh Hợp tác xã tỉnh theo Điều lệ Quỹ và các văn bản hướng dẫn liên quan.

2. Định kỳ 6 tháng và hàng năm, Quỹ báo cáo với Liên minh Hợp tác xã tỉnh để phục vụ cho việc đánh giá hiệu quả và xếp loại Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 41. Quan hệ với Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực IV và các sở, ngành liên quan

1. Quỹ chịu sự quản lý nhà nước của các sở, ngành về các nghiệp vụ, các lĩnh vực liên quan, thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu quản lý của các sở, ngành liên quan trong tỉnh.

2. Quỹ có trách nhiệm báo cáo với Liên minh hợp tác xã tỉnh, đề xuất Sở Tài Chính, các cơ quan và đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định về nội dung điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ của Quỹ theo từng thời kỳ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. Định kỳ 6 tháng và hàng năm, Quỹ báo cáo Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực IV theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 42. Quan hệ với các cơ quan, tổ chức khác

1. Quỹ xây dựng mối quan hệ với các cơ quan, tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp ở trong và ngoài nước để thực hiện các nội dung: hợp tác, liên kết, tư vấn, hỗ trợ, đầu tư và chuyển giao công nghệ, đào tạo, thẩm định... nhằm phục vụ cho các hoạt động của Quỹ hoặc theo đề nghị của các đơn vị này.

2. Nguyên tắc thực hiện:

- a) Nội dung hợp tác không trái với các quy định của pháp luật;
- b) Bình đẳng, cùng có lợi;
- c) An toàn, hiệu quả.

Chương VII

TRANH CHẤP, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH QUỸ

Điều 43. Giải quyết tranh chấp

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân khác, Quỹ ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp hòa giải không thành, Quỹ đưa ra cơ quan trọng tài hoặc tòa án cấp có thẩm quyền để giải quyết theo trình tự quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 44. Các trường hợp giải thể Quỹ

Quỹ giải thể khi thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Quỹ hoạt động không tuân thủ đúng theo các quy định của Nghị định số 45/2021/NĐ-CP;
2. Quỹ bị các cơ quan thẩm quyền đánh giá xếp loại C trong 05 (năm) năm liên tiếp và tỷ lệ giá trị dư nợ cho vay (không bao gồm các khoản nhận ủy thác cho vay) trên vốn chủ sở hữu thấp hơn 20% trong 05 (năm) năm liên tiếp;
3. Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay cao hơn 50% vốn điều lệ thực có của Quỹ trong 05 (năm) năm liên tiếp;
4. Luỹ kế chênh lệch thu chi âm lớn hơn hoặc bằng 75% số vốn điều lệ thực có của Quỹ trong 05 (năm) năm liên tiếp;
5. Các trường hợp giải thể khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 45. Thẩm quyền quyết định giải thể Quỹ

Trên cơ sở đề xuất của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Phú Thọ và ý kiến tham gia của Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực IV, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ trình Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ thông qua, phê duyệt chủ trương giải thể trước khi ban hành Quyết định giải thể Quỹ theo quy định của Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và pháp luật liên quan.

Điều 46. Hồ sơ, trình tự, thủ tục giải thể Quỹ

Hồ sơ, trình tự, thủ tục giải thể Quỹ thực hiện theo quy định đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 47. Phá sản Quỹ

Việc phá sản Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 48. Chuyển đổi mô hình hoạt động của Quỹ

1. Trường hợp Quỹ chuyển đổi mô hình hoạt động từ mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ sang mô hình Hợp tác xã, Quỹ phải thực hiện xây dựng phương án chuyển đổi, xác định rõ nghĩa vụ xử lý của Quỹ hiện hành, phương án chuyển sang Quỹ hoạt động theo mô hình mới (phương án tài chính, quản lý điều hành, dư nợ tín dụng...), báo cáo Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các cơ quan quản lý liên quan. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ quyết định chuyển đổi mô hình theo đề nghị của Liên minh Hợp tác xã tỉnh và trên cơ sở ý kiến của Sở Tài chính, Sở Tư pháp và Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực IV.

2. Quỹ thực hiện xử lý tài chính khi chuyển đổi mô hình hoạt động theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 49. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì tham mưu bố trí nguồn ngân sách địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để cấp bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ theo quy định.
2. Thực hiện cấp vốn điều lệ cho Quỹ khi được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.
3. Theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn Ngân sách địa phương cấp cho Quỹ theo quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan.

Điều 50. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực IV.

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.
2. Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh Phú Thọ kiểm tra, giám sát hoạt động cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.
3. Phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan trong việc xây dựng, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tổ chức và hoạt động của Quỹ và hướng dẫn thực hiện.

Điều 51. Quyền hạn, trách nhiệm của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Phú Thọ

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ phê duyệt chiến lược, kế hoạch hoạt động và kế hoạch đầu tư phát triển 05 (năm) năm của Quỹ.
2. Xây dựng phương án, Đề án bổ sung vốn điều lệ của Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt sau khi có ý kiến của Sở Tài chính tỉnh.
3. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 (nếu có).
4. Phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.
5. Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh: Kiểm soát viên, Giám đốc theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ. Cho chủ trương đối với nhân sự Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ, trên cơ sở đề xuất của Quỹ.
6. Phê duyệt Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ sau khi có ý kiến thẩm định của Kiểm soát viên của Quỹ.
7. Thực hiện việc giám sát, kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch hoạt động và kế hoạch đầu tư phát triển 05 (năm) năm và kế hoạch hàng năm của Quỹ; đánh giá kết quả thực hiện và xếp loại Quỹ hàng năm.

8. Hướng dẫn, đôn đốc Quỹ xây dựng, gửi báo cáo theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

9. Lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập đối với Quỹ.

10. Thực hiện các quyền hạn, trách nhiệm khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

Điều 52. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình hoạt động, trường hợp có sự thay đổi của pháp luật liên quan đến Điều lệ Quỹ, các quy định trong Điều lệ không còn phù hợp với thực tế, cần thay đổi, Chủ tịch Quỹ báo cáo Liên minh Hợp tác xã tỉnh để trình Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ xem xét, ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

Điều 53. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với việc thực hiện các hợp đồng tín dụng, chứng thư bảo lãnh và các thỏa thuận đã ký giữa Quỹ và các bên liên quan trước thời điểm Điều lệ Quỹ có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo đúng các thỏa thuận đã ký kết tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh, chứng thư bảo lãnh và các thỏa thuận khác. Trường hợp sửa đổi, bổ sung các thỏa thuận đã ký giữa Quỹ và các bên liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ này.

2. Tại thời điểm Điều lệ Quỹ có hiệu lực, căn cứ quy định trích dự phòng rủi ro cho vay quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, trường hợp số dư dự phòng rủi ro của Quỹ thừa so với số phải trích thì phần chênh lệch thừa được hoàn nhập vào thu nhập; trường hợp số dư dự phòng rủi ro của Quỹ thiếu so với số phải trích, trong vòng 12 tháng, Quỹ thực hiện bổ sung dự phòng rủi ro theo quy định.

Điều 54. Trách nhiệm thi hành

1. Các quy chế, quy định nội bộ của Quỹ phải bảo đảm việc tuân thủ nguyên tắc, nội dung quy định tại Điều lệ Quỹ.

2. Trong trường hợp quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được quy định tại Điều lệ Quỹ hoặc có quy định mới của pháp luật khác với nội dung Điều lệ Quỹ thì quy định đó được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Quỹ.

3. Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên, Giám đốc Quỹ và các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ Quỹ./.